

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ -PT
Ngày 21/9/2018
V/v “tranh chấp về ly hôn, nuôi con
và chia tài sản chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm

Ông Sỹ Danh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Bình Thành - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 26/4, 10/5, 28/6, 09/8/, 13/9, 21/9/2018 tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2017/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 37/2017/ HNGĐ – ST ngày 13 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cbị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2018/QĐ-PT ngày 07 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Hồ Thị Kim C, sinh năm 1967

Bị đơn: Huỳnh Hữu Đ, sinh năm 1969

Cùng địa chỉ: Số 18, ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Huỳnh Hữu T, sinh năm 1990

2/ Huỳnh Hữu T1, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: Số 18, ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3/ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Quang T2– Phó Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện C.

4/ Huỳnh Thanh N, sinh năm 1978

5/ Nguyễn Thị T3, sinh năm 1974

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị T3 là: anh Huỳnh Thanh N.

Cùng địa chỉ: 284, ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

6/ Nguyễn Trọng Trí, sinh năm 1973

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

7/ Huỳnh Thị H, sinh năm 1953

Địa chỉ: Số 591, ấp Tân Lợi, xã P Trung, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

8/ Huỳnh Văn N, sinh năm 1959

Địa chỉ: 206, ấp T, xã P, huyện C- Đồng Tháp.

9/ Huỳnh Thị Liên, sinh năm 1959

Địa chỉ: 194, ấp T, xã P, huyện C- Đồng Tháp.

10/ Huỳnh Hữu P, sinh năm 1965

Địa chỉ: 135, ấp T, xã P, huyện C- Đồng Tháp.

11/ Huỳnh Thị C, sinh năm 1971

Địa chỉ: 193, ấp T, xã P, huyện C- Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Chị H, anh N, chị L, anh P, chị C là: anh Huỳnh Hữu Đ.

12/ Huỳnh Hữu N, sinh năm 1977

Địa chỉ: 18, ấp T, xã P, huyện C- Đồng Tháp.

Đại diện hợp pháp: ông Huỳnh Hữu Đ.

12/ Lê Thị N, sinh năm 1984

Địa chỉ: 18, ấp T, xã P, huyện C- Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo chị Hồ Thị Kim C là nguyên đơn, anh Huỳnh Hữu Đ là bị đơn và Huỳnh Hữu T, Huỳnh Hữu T1 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan của vụ án.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa; chị Lê Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Hồ Thị Kim C(Hồ Thị Chi) trình bày:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* bà C và ông Đ chung sống với nhau năm 1989, không có đăng ký kết hôn. Bà C và ông Đ chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, thời gian sau này thì ông Đ bê tha, không lo làm ăn mà còn ngược đãi vợ con nên bà C và các con về nhà cha mẹ ruột của chị sinh sống từ năm 2009 cho đến nay.

Nay bà C yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Hữu Đ.

2. *Về con chung:* có 02 con chung gồm

Huỳnh Hữu T, sinh năm 1990

Huỳnh Hữu T1, sinh năm 1992.

Các con đã thành niên và có khả năng lao động nên bà C không yêu cầu giải quyết.

3. *Về tài sản chung:* gồm có

* Nhà: 01 căn nhà cấp 4, tường xây gạch sơn bê, nền lát gạch bông, mái lợp tol diện tích 191,34m² tọa lạc tại thửa đất 520, 521.

* Kho: diện tích 40m² nền gạch tàu mái lợp tol, vách tol, khung tre, bạch đàn tọa lạc tại thửa đất 520, 521.

* Các tài sản sinh hoạt trong gia đình:

- 01 bàn tròn bằng gỗ đường kính 1m, 13 ghế đôn gỗ.
- 01 bộ ghế Salon gỗ
- 02 bộ ngựa đá
- 01 bếp ga và 01 bình ga
- 01 nồi cơm điện
- 02 cái kiệu
- 01 tủ quần áo gỗ
- 01 tủ quần áo nhôm
- 01 tủ ly bằng ván ép
- 01 đi văng gỗ
- 01 bộ ngựa gỗ
- 01 tủ để tivi bằng ván ép
- 01 ti vi hiệu Toshiba.

Nhà anh Đ đang ở, các tài sản sinh hoạt trong gia đình anh Đ đang quản lý sử dụng.

Đất:

+ Đất cây lâu năm thửa 673, TĐĐ 16 diện tích 1.615m² đất (đo đạc thực tế 1.630m²) tọa lạc xã P do Huỳnh Hữu Đ.

+ Đất lúa thửa 188 TĐĐ 16 diện tích 11.421m² (đo đạc thực tế 11.437,4m²) tọa lạc xã P do Huỳnh Hữu Đ.

+ Đất cây lâu năm thửa 520 TĐĐ số 3 diện tích 1.400m² (đo đạc thực tế 1.458,4m²) tọa lạc xã P do Huỳnh Hữu Đ đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ.

+ Đất ở nông thôn thửa 521 TĐĐ 3 diện tích 480m² (đo đạc thực tế 490m²) tọa lạc xã P do Huỳnh Hữu Đ đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ.

+ Đất lúa thửa 155 TĐĐ 16 diện tích 15.268m² (đo đạc thực tế 15.505,9m²) tọa lạc xã P do hộ bà Hồ Thị Kim Cưng tên giấy chứng nhận QSDĐ.

+ Đất lúa thửa 542, 545, 546, 547 TĐĐ số 3 diện tích 16.109m² (đo đạc thực tế 16.617,2m²) tọa lạc xã P do bà Phan Thị Đ. Phần đất này của vợ chồng chị mua năm 2001 nhưng do vợ chồng chị có quá nhiều đất không kê khai đăng ký được nên nhờ mẹ chồng là bà Phan Thị Đ đứng tên giùm.

Thửa đất 155 bà đang canh tác, thửa 188 ông Đ bán cho Huỳnh Thanh N, các thửa đất còn lại ông Đ canh tác.

Ngoài ra lúc ra đi bà có giữ 19 chỉ vàng 24k và 21.000.000đ nhưng số tiền và vàng này hiện nay không còn vì bà đã bán hết để lo cho 02 con ăn học.

Khi ly hôn bà C đề nghị chia thửa đất 188 cho 02 con là Huỳnh Hữu T và Huỳnh Hữu T1 để 02 con của bà có điều kiện sinh sống.

Các tài sản còn lại bà C yêu cầu chia đôi cho bà và ông Đ, cụ thể:

Chị yêu cầu được sở hữu và sử dụng số tài sản như sau:

- Trọn thửa đất số 155 TĐĐ 16 diện tích 15.505,9m²

- 1 phần thửa 521 diện tích 142m² và một phần thửa 520 diện tích 420m² thể hiện tại các mốc 2, 3, 4, 5, 6, 15, 2 sơ đồ đo đạc ngày 01/9/2015) để bà cất nhà ở vì hiện nay bà không có chỗ ở.

- 01 bộ ngựa gỗ và 01 tủ ly bằng ván ép.

Các tài sản còn lại và cây trồng trên các thửa đất chia cho ông Đ sở hữu, sử dụng nhưng ông Đ phải đền bù chênh lệch tài sản cho bà C theo biên bản định giá ngày 16/4/2015 của Hội đồng định giá.

4. *Về nợ chung*: Nợ ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C86.000.000đ vốn vay và lãi phát sinh chưa trả. Bà C yêu cầu ông Đ có trách nhiệm trả nợ vì bà vay tiền là để trả nợ cho ông Đ.

Tại các biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Hữu Đ trình bày:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: ông Đ và bà C chung sống với nhau năm 1989, không có đăng ký kết hôn. Ông và bà C chung sống đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn do ông đi làm, bà C ở nhà có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên vợ chồng không sống chung từ đó cho đến nay. Nay bà C xin ly hôn, ông Đ đồng ý.

2. *Về con chung*: thống nhất theo lời trình bày của bà C về con chung. Hiện nay 02 con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

3. *Về tài sản chung*:

Thống nhất có các tài sản chung như bà C trình bày, nhưng số vàng bà C mang theo lúc ra đi là 19 chỉ vàng 24k và 34.000.000đ chứ không phải

21.000.000đ như bà C đã trình bày. Nhà kho xây dựng trên thửa đất 521 hiện nay đã hư không còn sử dụng được nếu bà C cần thì anh đồng ý giao cho bà C sử dụng như phải tháo dỡ, di dời. Các tài sản dùng sinh hoạt trong gia đình như: bếp ga, nồi cơm điện, ti vi, đầu đĩa thì đã hư; 02 cái kiệu con ông đã đập bể không còn. Cây trồng trên đất thì đã chết gần hết, chỉ còn lại 1 số cây được thể hiện theo biên bản định giá ngày 13/6/2017.

Các thửa đất: 542, 545, 546, 547 do bà Phan Thị Đ đứng tên là đất của mẹ ông, không phải là tài sản chung của vợ chồng.

Khi ly hôn ông Đ chỉ đồng ý chia cho bà C trọn thửa đất 155. Các thửa đất còn lại cùng với căn nhà, các tài sản dùng sinh hoạt trong gia đình và cây trồng trên đất ông Đ yêu cầu được quản lý sử dụng không đồng ý chia cho bà C. Ông Đ không đồng ý chia thửa đất 188 cho Huỳnh Hữu T1 và Huỳnh Hữu T.

Ngoài ra ông Đ còn yêu cầu chia đôi 19 chỉ vàng 24k và 34.000.000đ bà C giữ.

4. Về nợ chung:

- Nợ ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện C86.000.000đ vốn vay và lãi phát sinh chưa trả. Ông Đ đồng ý trả $\frac{1}{2}$ số nợ cho ngân hàng và yêu cầu bà C trả $\frac{1}{2}$ số nợ còn lại vì bà C là người trực tiếp vay.

- Nợ anh Nguyễn Trọng T3 tiền mua vật tư nông nghiệp 116.829.000đ, ông Đ đồng ý trả cho anh T, không yêu cầu bà C liên đới trả nợ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Huỳnh Hữu T và Huỳnh Hữu T1 đồng trình bày: Các anh là con của bà Hồ Thị Kim C(Hồ Thị C) và ông Huỳnh Hữu Đ và cũng là các thành viên trong hộ gia đình của ông Đ. Do bà C và ông Đ ly hôn nên các anh yêu cầu ông Đ và bà C chia cho các anh mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất 188 do ông Huỳnh Hữu Đ đứng tên trên giấy chứng nhận QSDĐ.

2/ Huỳnh Hữu Đ là người đại diện theo ủy quyền của Huỳnh Thị H, Huỳnh Văn N, Huỳnh Thị L, Huỳnh Hữu P, Huỳnh Thị C và cũng là người đại diện hợp pháp cho Huỳnh Hữu N trình bày:

Ông Đ, Chị H, anh N, chị L, anh P, chị C và anh Nghĩa là con của bà Phan Thị Đ, bà Đ chết ngày 17/7/2011. Phần đất thửa 542, 545, 546, 547 TBĐ số 3 diện tích 16.109m² đất lúa (đo đạc thực tế 16.617,2m²) tọa lạc xã P do bà Phan Thị Đ đứng tên hiện bà Hồ Thị Kim C đang tranh chấp là đất của bà Phan Thị Đ mua của ông Trần Văn H cư ngụ tại ấp T, xã P vào năm 2001, giá chuyển nhượng 11 chỉ vàng 24k/1.000m². Đến năm 2003 ông Hậu làm thủ tục chuyển nhượng QSDĐ cho bà Đ, ngày 05/6/2003 bà Đ được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Sau khi mua đất thì bà Đ giao hết các thửa đất nêu trên cho ông canh tác để nuôi bà vì ông là con trai út nên bà về sống chung với ông. Các thửa đất này không phải là tài sản chung của ông và bà C. Vì vậy các đồng thừa kế của bà Đ không đồng ý chia $\frac{1}{2}$ diện tích các thửa đất nêu trên cho bà C.

3/ Nguyễn Thị Ntrình bày: chị Nlà cháu ngoại của bà Phan Thị Đ, chị về sống chung với hộ bà Đ lúc 12 tuổi, đến năm 16 tuổi thì chị không còn sống chung với bà Đ nữa. Chị không có công sức đóng góp gì đối với các thửa đất do bà Đ đứng tên nên không tranh chấp các thửa đất này.

3/ Anh Huỳnh Thanh N trình bày:

Vào ngày 17/11/2010 ông Huỳnh Hữu Đ có bán cho vợ chồng anh khoảng 11.500m² đất thửa 188 TBĐ 16 loại đất trồng lúa tọa lạc xã P do ông Huỳnh Hữu Đ đứng tên QSDĐ, giá chuyển nhượng 20 chỉ vàng 24k/ 1.000m². Anh đã trả trước cho ông Đ 90 chỉ vàng 24k, phần còn lại khi nào làm thủ tục sang tên xong thì trả tiếp. Hợp đồng chuyển nhượng hai bên chỉ làm giấy tay, đất ông Đ đã giao cho vợ chồng anh canh tác từ ngày 17/11/2010 cho đến nay. Quá trình canh tác anh đã đầu tư sửa chữa đất, thuê koupe đắp bờ, đặt bọng, tổng chi phí là 7.300.000đồng. Thửa đất 188 hiện anh Nđang canh tác.

Nay ông Đ và bà C ly hôn, các con của anh Đ tranh chấp yêu cầu chia thửa đất này nên anh cũng đồng ý trả lại thửa đất 188 và yêu cầu ông Đ trả lại cho vợ chồng anh 90 chỉ vàng 24k đã nhận, đồng thời yêu cầu người nào được chia thửa đất này phải có trách nhiệm trả lại cho anh chi phí đầu tư là 7.300.000 đồng.

4/ Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt nam ông Hồ Quang T2 trình bày:

Vào ngày 20/01/2009 bà Hồ Thị Kim C có vay tiền tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Ctỉnh Đồng Tháp theo hợp đồng tín dụng số 1001912.002k ý ngày 20/01/2009 số tiền vay là 100.000.000đ, thời hạn trả nợ ngày 16/01/2014. Khi vay bà C có thể chấp QSDĐ thửa đất 155 do bà C đứng tên và ông Huỳnh Hữu Đ cũng có thể chấp QSDĐ thửa 520, 521 do ông Đ đứng tên để bảo lãnh cho bà C vay vốn. Ngày 07/4/2015 ông Đ có trả được 14.000.000đ vốn gốc. Còn lại 86.000.000đ vốn gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 08/9/2017 là 167.914.833 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 253.914.833đ.

Nay Ngân hàng nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt nam yêu cầu bà Hồ Thị Kim C(Hồ Thị C) và ông Huỳnh Hữu Đ liên đới trả cho ngân hàng vốn 86.000.000đ, lãi phát sinh tính đến ngày 08/9/2017 là 167.914.833đ và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi bà C và ông Đ trả xong nợ. Nếu bà C và ông Đ không có khả năng trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo nợ vay cho ngân hàng.

5/ Anh Nguyễn Trọng T3 trình bày:

Từ ngày 02/4/2014 anh Huỳnh Hữu Đ có đến cửa hàng Vật tư nông nghiệp của anh để mua một số hàng hóa, vật tư nông nghiệp như phân bón, thuốc trừ sâu và một số mặt hàng khác với tổng số tiền là 116.829.000đ đến nay chưa trả.

Nay anh yêu cầu ông Huỳnh Hữu Đ phải trả cho anh 116.829.000đ tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ và yêu cầu ông Đ trả lãi theo mức lãi suất 7%/1 năm tính từ ngày chốt nợ 02/8/2016 đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ kiện.

* Tại quyết định bản án sơ thẩm số 37/2017/HNGĐ - ST, ngày 13/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cđã tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hồ Thị Kim C(Hồ Thị C) với anh Huỳnh Hữu Đ.

2/ Về con chung: đã thành niên và có khả năng lao động nên chị C và anh Đ không yêu cầu giải quyết.

3/ Về tài sản chung:

- Chấp nhận 1 phần yêu cầu của bà Hồ Thị Kim C(Hồ Thị C)

Bà C được quyền sở hữu, sử dụng tài sản gồm:

+ Thửa đất 155 tờ bản đồ TBĐ 16 diện tích đo đạc thực tế 15.505,9m² đất tọa lạc xã P cấp cho hộ bà Hồ Thị Kim C(đất bà C đang canh tác).

+ 1 phần thửa 521 diện tích 142m² thể hiện tại vị trí các mốc 2,3,4,15, 2 (sơ đồ đo đạc ngày 01/9/2015) đất ông Đ đang canh tác.

+ 01 bộ ngựa gỗ và 01 tủ ly bằng ván ép (anh Đ đang quản lý)

Buộc anh Đ có trách nhiệm giao 142m² đất, 01 bộ ngựa gỗ và 01 tủ ly cho chị Chi.

Không chấp nhận yêu cầu của chị Cyêu cầu được chia 1 phần thửa 520 diện tích 420m² do anh Đ đứng tên QSDĐ và các thửa 542, 545, 547, 548 do bà Phan Thị Đ đứng tên QSDĐ.

- Chấp nhận 1 phần yêu cầu của ông Huỳnh Hữu Đ.

Ông Huỳnh Hữu Đ được quyền sở hữu, sử dụng tài sản gồm:

+ Thửa đất 673 TBĐ 16 đo đạc thực tế 1.630m² đất tọa lạc xã P cấp cho hộ Huỳnh Hữu Đ và các cây trồng trên đất.

+ 1 phần thửa 188 TBĐ 16 diện tích 5.718,7m² thể hiện tại các mốc 1, 2, 3, 4, 9, 1 (Sơ đồ trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 10/8/2017).

+ 1 phần thửa 521 diện tích 348m² thể hiện tại các mốc 1, 2, 15, 14 và 1 phần thửa 520 diện tích 1.458,4m² thể hiện tại các mốc 4, 5, 6, 7, 13, 14, 15, 4 (Sơ đồ trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 01/9/2015) và các cây trồng trên đất.

+ 01 căn nhà cấp 4, tường xây gạch sơn bê, nền lát gạch bông, mái lợp tol diện tích 191,34m² tọa lạc tại thửa đất 520, 521.

+ 01 bàn tròn bằng gỗ đường kính 1m, 13 ghế đôn gỗ, 01 bộ ghế Salon gỗ, 02 bộ ngựa đá, 01 bếp ga và 01 bình ga, 01 nồi cơm điện, 01 tủ quần áo gỗ, 01 tủ quần áo nhôm, 01 đi văng gỗ, 01 tủ để tivi bằng ván ép, 01 ti vi hiệu Toshiba.

Thửa đất 188 anh Nđang canh tác, các tài sản trên ông Đ đang quản lý sử dụng.

Ông Đ có trách nhiệm đền bù chênh lệch tài sản cho chị C69.498.000đồng (Sáu mươi chín triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Hữu Đ yêu cầu chia đôi 34.000.000đ và 19 chỉ vàng 24k bà C giữ.

Chấp nhận sự tự nguyện của ông Đ giao cho bà C được sở hữu nhà kho (đã hư) được cất trên thửa đất 520, 521 nhưng bà C phải tháo dỡ, di dời.

- Chấp nhận 1 phần yêu cầu của Huỳnh Hữu T và Huỳnh Hữu T1.

Huỳnh Hữu T và Huỳnh Hữu T1 được quyền sử dụng:

+ 1 phần thửa đất 188 TĐĐ 16 diện tích 5.718,7m² thể hiện tại các mốc 9, 4, 5, 6, 7, 8, 9 sơ đồ trích do hiện trạng đất tranh chấp ngày 10/8/2017 (đất anh Nđang canh tác).

- Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ thửa 188 giữa anh Huỳnh Thanh N với ông Huỳnh Hữu Đ vô hiệu.

Ông Huỳnh Hữu Đ trả cho vợ chồng anh Huỳnh Thanh N, chị Nguyễn Thị T3 90 chỉ vàng 24k (loại vàng nhẫn 9999).

Anh Huỳnh Thanh N và chị Nguyễn Thị T3 trả lại cho ông Huỳnh Hữu Đ 5.718,7m² đất thể hiện tại các mốc 1, 2, 3, 4, 9, 1 và trả cho Huỳnh Hữu T, Huỳnh Hữu T1 5.718,7m² đất thể hiện tại các mốc 9, 4, 5, 6, 7, 8, 9 (sơ đồ trích do hiện trạng đất tranh chấp ngày 10/8/2017).

Buộc ông Huỳnh Hữu Đức hoàn trả cho anh Huỳnh Thanh N 3.650.000đ chi phí đầu tư.

Buộc Huỳnh Hữu T và Huỳnh Hữu T1 liên đới trả cho anh Huỳnh Thanh N 3.650.000đ chi phí đầu tư .

Bà Hồ Thị Kim C(Hồ Thị Chi), ông Huỳnh Hữu Đ, Huỳnh Hữu T, Huỳnh Hữu T1 có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh và đăng ký QSD đất theo qui định của pháp luật.

Kể từ ngày bà C có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Đ chưa thi hành tiền đền bù tài sản chênh lệch cho bà C thì hàng tháng ông Đ phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về nợ chung:

Chấp nhận 1 phần yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt nam.

Buộc bà C và ông Đ mỗi người trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam- Chi nhánh huyện Cvón vay và lãi là 126.957.416đ (lãi tính đến ngày 08/9/2017), đồng thời tiếp tục trả lãi kể từ ngày 09/9/2017 theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký đối với số tiền vốn phải trả cho

ngân hàng đến khi thi hành xong. Trường hợp bà C và ông Đ không trả được nợ thì chỉ xử lý tài sản thế chấp đối với phần tài sản mà ông Đ và bà C được nhận.

- Ông Đ đồng ý trả cho anh T 116.829.000đ tiền mua vật tư nông nghiệp và 8.859.000 tiền lãi. Tổng cộng vốn và lãi là 125.688.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh T mà ông Đ chưa thi hành tiền trên cho anh T thì hàng tháng anh Đ phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

5/ Về án phí:

- Bà Hồ Thị Kim C phải chịu 35.630.000đ án phí DSST (Trong đó án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 200.000đồng; án phí chia tài sản là 22.188.000đ; án phí không chấp nhận yêu cầu chia các thửa đất do bà Đ đứng tên là 10.068.000đ và án phí đối với nghĩa vụ phải trả nợ là 3.174.000đ) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.368.000đ theo các biên lai số: 009626 ngày 18/5/2012, 003912 ngày 10/01/2010, 029001 ngày 04/5/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Bà C còn phải nộp tiếp 8.262.000đ án phí DSST.

- Ông Huỳnh Hữu Đ phải chịu 37.588.000đ án phí dân sự sơ thẩm (Trong đó án phí chia tài sản là 22.188.000đ; án phí đối với nghĩa vụ phải trả nợ là 14.157.000đ và án phí không chấp nhận yêu cầu chia vàng và tiền bà C giữ là 1.243.000đ) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.200.000đ theo biên lai thu số 028924 ngày 16/8/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Ông Đ còn phải nộp tiếp 30.388.000đ án phí DSST.

- Huỳnh Hữu T phải chịu 3.574.000đ án phí chia tài sản, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.111.000đ theo các biên lai thu số 009627 ngày 18/5/2012, 10689 ngày 21/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Hữu Thanh được nhận lại 1.537.000đ tiền tạm ứng án phí.

- Huỳnh Hữu T1 phải chịu 3.574.000đ án phí chia tài sản, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.111.000đ theo các biên lai thu số 009628 ngày 18/5/2012, 10680 ngày 21/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Hữu Thành được nhận lại 1.537.000đ tiền tạm ứng án phí.

(Đã xem xét miễn giảm 50% án phí cho bà C, ông Đ, Hữu Thanh và Hữu Thành).

Anh Huỳnh Thanh N được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 7.750.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 10606 ngày 30/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.890.000đ. theo các biên lai thu số 003953 ngày 01/4/2010, 11757 ngày 07/11/2016. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.590.000đ.

Anh Nguyễn Trọng T3 được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.207.000đ theo biên lai thu số 10540 ngày 10/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

5/ Về chi phí thẩm định giá: tổng cộng là 22.293.000đ.

Chị Cvà anh Đ mỗi người phải chịu 10.088.500đ.

Hữu T và Hữu T1 mỗi người phải chịu 1.058.000đ.

Chị C đã nộp tạm ứng án phí thẩm định là 21.093.000đ, anh Đ đã nộp tạm ứng án phí thẩm định là 1.200.000đ và đã chi xong. Do đó anh Đ phải trả lại cho chị C 8.888.500đ, Hữu T và Hữu T1 mỗi người trả cho chị C 1.058.000đ án phí thẩm định.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/9/2017, bà Hồ Thị C kháng cáo yêu cầu được chia các thửa đất số 542, 545, 546, 547, diện tích 16.109m² do bà Phan Thị Đ đứng tên vì cho rằng đây là tài sản chung của vợ chồng bà, thể hiện qua hợp đồng mua bán đất, hơn nữa vợ chồng bà đã canh tác ổn định, liên tục từ ngày mua đến nay; không đồng ý liên đới cùng ông Đ trả số tiền nợ cho Ngân hàng vì đây là tiền ông Đ sử dụng cá nhân, là nợ riêng của ông Đ; yêu cầu được chia đôi thửa 521, tức yêu cầu được chia 490m², vì diện tích 142m² như Tòa sơ thẩm xử cho bà thì không thể cất nhà và sản để sinh hoạt hàng ngày.

Ngày 25/9/2017, ông Huỳnh Hữu Đ kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu của Huỳnh Hữu T và Huỳnh Hữu T1 được quyền sử dụng một phần thửa 188, tờ bản đồ số 16, diện tích 5.718,7m² và bác yêu cầu của bà Hồ Thị Kim C được quyền sử dụng một phần thửa 521, tờ bản đồ số 3, diện tích 142m² và cái nhà kho có trên thửa đất trên; không đồng ý trả số tiền chênh lệch 69.520.000 đồng cho bà C vì toàn bộ các tài sản trong gia đình và căn nhà là của cha mẹ anh bỏ ra cất, và mua sắm do ông là con trai út và ở chung với cha mẹ; buộc bà Hồ Thị Kim C phải chia đôi số tiền và vàng mà bà C quản lý, bằng 9,5 chỉ vàng 24K và 15.500.000 đồng vì đây là tài sản chung của vợ chồng.

Ngày 26/9/2017, anh Huỳnh Hữu T và anh Huỳnh Hữu T1 kháng cáo yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xem xét hoàn cảnh, công sức đóng góp cho hai anh để được sử dụng trọn thửa 188, diện tích 11,421m² để có điều kiện canh tác mở lối đi, đường dẫn nước; đồng thời không chấp nhận trả cho ông Huỳnh Thanh N 3.650.000 đồng phí đầu tư.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Bà Hồ Thị Kim C rút yêu cầu khởi kiện đối với phần diện tích đất thuộc các thửa 542, 545, 546, 547, tổng diện tích là 16.109m² do bà Phan Thị Đ đứng tên, không yêu cầu chia; rút kháng cáo đối với số tiền nợ Ngân hàng, tức đồng ý như án sơ thẩm phần này; chỉ yêu cầu kháng cáo được chia đôi thửa

520, tức yêu cầu được chia 420m² đất để đủ cho bà cất nhà, làm sân và tiện cho sinh hoạt gia đình.

Ông Huỳnh Hữu Đ cũng đồng ý việc bà C rút khỏi kiện phần diện tích đất thuộc các thửa 542, 545, 546, 547, diện tích 16.109m². Ông Đ cũng rút kháng cáo đối với phần tài sản chung là 9,5 chỉ vàng 24K và 15.500.000đ và phần diện tích 142m² được chia cho bà C tại thửa 521, tức đồng ý như án sơ thẩm. Đối với cái nhà kho thì ông cho rằng hiện nay đã hư không còn trên đất nên ông không có yêu cầu giải quyết hay tính giá trị để chia cho vợ chồng. Đối với số tiền chênh lệch giá trị tài sản là 69.520.000 đồng thì hiện nay do có kết quả định giá lại nên yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng theo biên bản định giá ngày 31/8/2018 về nhà và đất, còn về cây trồng thì yêu cầu xem xét theo biên bản ghi lời khai ngày 18/9/2018 của Tòa án; giữ nguyên kháng cáo không đồng ý chia phần đất thuộc thửa 188 cho anh Huỳnh Hữu T và anh Huỳnh Hữu T1 vì cho rằng đây chỉ là tài sản chung của vợ chồng ông.

Anh Huỳnh Hữu T và Huỳnh Hữu T1 rút toàn bộ kháng cáo và đồng ý trả lại phần đất được chia tại thửa 188, để cho cha mẹ chia và xác định đây là tài sản chung của cha mẹ, không yêu cầu được chia cho mình.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật; về nội dung:

Do bà C rút khỏi kiện và kháng cáo đối với các thửa đất 542, 545, 546, 547, tổng diện tích 16.109m² do bà Phan Thị Đ đứng tên; ông Đ cũng đồng ý việc rút khỏi kiện của bà C, nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy và đình chỉ một phần bản án sơ thẩm về phần này.

Đối với các nội dung mà bà C và ông Đ rút kháng cáo và đồng ý với bản án sơ thẩm, gồm là phần nợ đối với Ngân hàng; 9,5 chỉ vàng 24K và 15.500.000đ; phần đất chia cho bà C 142m², nhà kho tại thửa 521, thì đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm.

Đối với phần đất thuộc thửa 188 mà Tòa án cấp sơ thẩm chia cho anh Huỳnh Hữu T và anh Huỳnh Hữu T1 thì tại tòa phúc thẩm hai anh đã không yêu cầu chia mà xác định và đồng ý là đất của cha mẹ các anh nên phần diện tích này đề nghị Hội đồng xét xử xác định là tài sản chung và chia cho bà C và ông Đ theo pháp luật; tức chấp nhận kháng cáo của ông Đ phần này và vì vậy chấp nhận kháng cáo của anh T và anh T1 về việc không đồng ý trả phí đầu tư cho ông Huỳnh Thanh N.

Đối với kháng cáo của bà C yêu cầu được chia 420m² bao gồm một phần thửa 520 và 521 thì tại cấp phúc thẩm bà C yêu cầu xem xét nếu sau khi chia tài sản chung cho bà nếu phần bà nhận đã vượt hơn phần giá trị ông Đ được nhận thì bà vẫn đồng ý nhận diện tích 142m² tại thửa 521 như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử, thì đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm về nội dung này vì phần giá trị bà C được nhận là nhiều hơn của ông Đ.

Đối với kháng cáo của ông Đ về số tiền chênh lệch giá trị tài sản 69.520.000 đồng thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Đ vì tại cấp phúc thẩm đã xác định được phần giá trị được chia cho ông Đ ít hơn bà C nên bà C còn phải trả tiền chênh lệch cho ông Đ.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Hồ Thị Kim C đã rút khỏi kiện và kháng cáo đối với các thửa đất 542, 545, 546, 547, tổng diện tích 16.109m² do bà Phan Thị Đ đứng tên. Xét thấy, việc rút khỏi kiện và kháng cáo này là hoàn toàn tự nguyện và ông Đ cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận, vì vậy hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án về phần này.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà C và ông Đ đã rút kháng cáo và đồng ý bản án sơ thẩm, trong đó bà C rút kháng cáo và đồng ý liên đới với ông Đ trả số nợ cho ngân hàng, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm phần này; ông Đ rút kháng đối với yêu cầu chia 9,5 chỉ vàng 24K và 15.500.000đ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm về nội dung này; án sơ thẩm về phần này có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà C, ông Đ, anh Thanh và anh Thành, Hội đồng xét xử xét thấy: các tài sản mà các đương sự còn tranh chấp, yêu cầu giải quyết gồm: các thửa đất 520, 521, 673, 155, 188 ; căn nhà cùng tài sản trong nhà; các công trình phụ; các cây trồng trên đất và số nợ phí đầu tư của anh Nhã.

Xét thấy, hiện nay ông Đ đang quản lý, sử dụng căn nhà, bà C đã có chỗ ở khác và thống nhất giao căn nhà cho ông Đ được tiếp tục sử dụng và sở hữu, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chia và giao toàn bộ căn nhà cùng tất cả tài sản, vật dụng trong nhà và các công trình gắn liền cho ông Đ được tiếp tục sử dụng, sở hữu là phù hợp và có căn cứ; vị trí căn nhà này một phần thửa 520 và một phần thửa 521; thửa 673 thì liền kề phía sau của thửa 520; còn thửa 155 thì hiện do bà C quản lý, sử dụng, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chia và giao cho ông Đ được tiếp tục sử dụng thửa toàn bộ các 520, 673, phần lớn diện tích thửa 521 sau khi trừ 142m² giao cho bà C để bà C cất nhà ở, chia và giao cho bà C được sử dụng thửa 155 đều là hợp lý.

Đối với thửa đất số 188 thì do tại cấp phúc thẩm anh T và anh T1 đã rút yêu cầu và các đương sự đều xác định đây là tài sản chung của ông Đ và bà C, nên phần đất này sẽ được chia cho ông Đ và bà C theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, các tài sản được chia và có giá trị theo kết quả định giá tại cấp phúc thẩm như sau:

- Căn nhà: 207.239.588đ;
- Các tài sản trong nhà: 13.800.000đ;
- Các công trình phụ: 43.626.903đ;
- Các cây trồng: 4.885.000đ;
- Thửa 520: 116.672.000đ;
- Thửa 521: 176.400.000đ;
- Thửa 673: 134.400.000đ;
- Thửa 155: 852.824.500đ;
- Thửa 188: 571.870.000đ;

Tổng cộng là: 2.121.717.911 đồng.

Trong đó, theo bản án sơ thẩm thì phần tài sản ông Đ được chia trong các tài sản trên gồm: căn nhà (207.239.588đ), một phần tài sản, vật dụng trong nhà (12.200.000đ), một phần các công trình phụ (11.994.923đ), tất cả cây trồng trên đất (4.885.000đ), thửa 520 (116.672.000đ), thửa 673 (134.400.000đ), diện tích 348m² của thửa 521 (125.280.000đ), diện tích 5.718,7m² của thửa 188 (285.935.000đ), tổng cộng là 898.606.511 đồng; phần bà C thì được chia thửa 155 (852.824.500đ), diện tích 142m² của thửa 521 (51.120.000đ), một phần công trình phụ (31.631.980đ), một phần tài sản vật dụng trong nhà (1.600.000đ), tổng cộng là 937.176.480 đồng. Như vậy, bà C đã nhận giá trị nhiều hơn ông Đ là 38.569.969 đồng. Trong khi, đối với phần diện tích mà anh Thành và anh Thanh trả lại của thửa 188, là 5.718,7m² có giá trị là 285.935.000 đồng quy định của theo pháp luật sẽ được tiếp tục chia cho ông Đ bà C và tại phiên tòa phúc thẩm, bà C yêu cầu đồng ý nhận $\frac{1}{2}$ diện tích đất này ở vị trí ngoài cùng (giáp với đất của ông Nguyễn Tấn N) là 2.858,8m², có giá trị là 142.940.000 đồng, phần còn lại được giao cho ông Đ là 2.859,9m² có giá trị là 142.995.000 đồng giao cho ông Đ.

Như vậy, như trên thì tổng tài sản ông Đ được nhận là 1.041.901.551 đồng, của bà C được nhận là 1.080.116.480 đồng, tức bà C vẫn nhận được nhiều hơn ông Đ là 38.214.929 đồng, do đó không chấp nhận yêu cầu của bà C về việc được chia 420m² gồm một phần thửa 520 và 521.

Trong khi tổng tài sản chung được chia là 2.121.717.911 đồng thì mỗi người được là 1.060.858.955 đồng, tức bà C đã được chia chênh lệch nhiều hơn phần lẽ ra được chia là 1.080.116.480 đồng - 1.060.858.955 đồng = 19.257.525 đồng. Và vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ về việc trả giá trị chênh lệch.

[4] Đối với số tiền nợ phí đầu tư tổng cộng là 7.300.000 đồng, tại phiên tòa, ông Đ và bà C thống nhất chịu theo tỉ lệ diện tích đất mà mỗi người được nhận của thửa 188. Như vậy, số tiền này, ông Đ phải có nghĩa vụ trả cho ông Nhã = $\frac{3}{4}$ là 5.475.000 đồng, bà C phải trả $\frac{1}{4}$ là 1.825.000 đồng.

[5] Đối với cái nhà kho trên thửa đất số 521 thì hiện nay đã không còn trên đất; các đương sự cũng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ theo như nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm, do bản án sơ thẩm bị sửa một phần về tài sản nên án phí sơ thẩm cũng sẽ được tính lại cho phù hợp, cụ thể như sau:

- Anh Huỳnh Hữu T và anh Huỳnh Hữu T1 không có yêu cầu, không được chia tài sản chung và cũng không có nghĩa vụ gì về tài sản trong vụ án nên đều không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại các số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Do bà C và ông Đ được chia tài sản chung mỗi người là 1.060.858.955 đồng nên mỗi người phải chịu án phí sơ thẩm về chia tài sản chung là 43.825.500 đồng và đều được miễn nộp 50% = 21.912.500 đồng (theo án sơ thẩm).

Riêng đối với bà C thì do bà C rút yêu cầu khởi kiện đối với các thửa đất 542, 545, 546, 547, tổng diện tích 16.109m² do bà Phan Thị Đ đứng tên, Tòa án cấp phúc thẩm hủy và đình chỉ giải quyết vụ án phần này nên bà C phải chịu án phí sơ thẩm phần này theo án sơ thẩm.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bà C, ông Đ, anh T và anh T1 đều không phải chịu án phí phúc thẩm.

[9] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 299; Điều 148; khoản 2, 4 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 53; Điều 59, 62 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Điều 407; 430; 440; 463; 465; 466; 468; 502 Bộ luật dân sự năm 2015;

Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH-12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTUQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị Kim C (Hồ Thị C) đối với số tiền nợ chung của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Huỳnh Hữu T và anh Huỳnh Hữu T1 về việc yêu cầu được chia toàn bộ thửa đất số 188, tờ bản đồ số 16, diện tích 11.437,4m² và không đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả số tiền đầu tư 3.650.000 đồng cho ông Huỳnh Thanh N.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm 37/2017/HNGĐ-ST ngày 13/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

- Công nhận sự thỏa thuận của bà Hồ Thị Kim C, ông Huỳnh Hữu Đ, anh Huỳnh Hữu T và anh Huỳnh Hữu T1 đối với thửa đất số 188, tờ bản đồ số 16.

- Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với các thửa đất số 542, 545, 547, 548, cùng tờ bản đồ số 3, diện tích đất là 16.617,2m², do bà Phan Thị Đ đứng tên quyền sử dụng.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hồ Thị Kim C(Hồ Thị C) với ông Huỳnh Hữu Đ.

2. Về con chung: Các con đã thành niên và có khả năng lao động nên bà C và ông Đ không yêu cầu giải quyết, Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung:

3.1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Hồ Thị Kim C(Hồ Thị C). Bà C được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản gồm:

+ Thửa đất số 155, tờ bản đồ số 16, diện tích đo đạc thực tế 15.505,9m² tọa lạc xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (cấp cho hộ bà Hồ Thị Kim C và do bà C quản lý, canh tác).

+ 142m² đất thuộc một phần của thửa đất số 521, tờ bản đồ số 3 (cấp cho ông Huỳnh Hữu Đ), trong phạm vi các mốc 2-3-4-15-2 (theo sơ đồ trích đo ngày 20/9/2018) đồng thời được sở hữu các tài sản (sân và hàng rào) trên diện tích đất này.

+ 01 bộ ngựa gỗ và 01 tủ ly bằng ván ép (ông Đ đang quản lý).

+ 2.858,8m² đất thuộc một phần của thửa đất số 188, tờ bản đồ số 16, trong phạm vi các mốc 6-7-8-10-11-6 theo sơ đồ trích đo ngày 10/8/2017 (đất do ông Huỳnh Thanh N, bà Nguyễn Thị T3 đang quản lý, canh tác; đất cấp cho hộ ông Huỳnh Hữu Đ).

Buộc ông Huỳnh Hữu Đ có nghĩa vụ giao 142m² đất, 01 bộ ngựa gỗ và 01 tủ ly như trên cho bà Hồ Thị Kim C.

Buộc ông Huỳnh Thanh N, bà Nguyễn Thị T3 và ông Huỳnh Hữu Đ có nghĩa vụ liên đới giao cho bà Hồ Thị Kim C diện tích đất 2.858,8m², tờ bản đồ số 16, trong phạm vi các mốc 6-7-8-10-11-6 theo sơ đồ trích đo ngày 10/8/2017.

3.2. Chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Hữu Đ. Ông Đ được quyền sở hữu, sử dụng tài sản gồm:

+ Thửa đất số 673, tờ bản đồ số 16, diện tích đo đạc thực tế là 1.630m², tọa lạc xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (cấp cho hộ ông Huỳnh Hữu Đ), trong

phạm vi các mốc 7-8-9-10-11-12-13-7 (theo sơ đồ trích đo ngày 20/9/2018) và ông Đ được sở hữu các cây trồng trên đất.

+ 8.578,6m² đất thuộc một phần thửa 188, tờ bản đồ số 16 (cấp cho hộ ông Huỳnh Hữu Đ), trong phạm vi các mốc 1-2-3-4-11-10-9-1 (theo sơ đồ trích đo ngày 10/8/2017).

+ 348m² đất thuộc một phần thửa 521, tờ bản đồ số 3 (cấp cho ông Huỳnh Hữu Đ) trong phạm vi các mốc 1-2-15-14-1 và 1.458,4m² đất thuộc một phần thửa 520, tờ bản đồ số 3 (cấp cho ông Huỳnh Hữu Đ) trong phạm vi các mốc 4-5-6-7-13-14-15-4 (theo sơ đồ trích đo ngày 20/9/2018) đồng thời ông Đ được sở hữu các cây trồng trên đất.

+ 01 căn nhà cấp 4, tường xây gạch, sơn bê, nền lát gạch bông, mái lợp tole, diện tích 191,34m² tọa lạc tại thửa đất 520, 521 (theo sơ đồ trích đo ngày 20/9/2018).

+ 01 bàn tròn bằng gỗ đường kính 01m; 13 ghế đôn gỗ; 01 bộ ghế Salon gỗ; 01 bộ ngựa đá; 01 tủ quần áo gỗ; 01 tủ quần áo nhôm; 01 đi-văng gỗ.

Các tài sản trên ông Đ đang quản lý, sử dụng.

3.3. Bà Hồ Thị Kim C có nghĩa vụ đền bù chênh lệch tài sản cho ông Huỳnh Hữu Đ là 19.257.525 đồng (làm tròn là mười chín triệu hai trăm năm mươi bảy ngàn đồng).

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Hữu Đ về việc yêu cầu chia đôi 34.000.000 đồng và 19 chỉ vàng 24K do bà C đang giữ.

5. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa 188, tờ bản đồ số 16 giữa anh Huỳnh Thanh N với anh Huỳnh Hữu Đ là giao dịch dân sự vô hiệu.

6. Buộc ông Huỳnh Hữu Đ phải trả cho vợ chồng ông Huỳnh Thanh N, bà Nguyễn Thị T3 90 chỉ vàng 24K (loại vàng nhẫn 9999).

Buộc ông Huỳnh Thanh N và ông Nguyễn Thị T3 phải trả lại cho ông Huỳnh Hữu Đ một phần diện tích đất tại thửa 188, tờ bản đồ số 16, diện tích là 8.578,6m² (theo sơ đồ trích đo ngày 10/8/2017).

7. Buộc ông Huỳnh Hữu Đ phải trả cho ông Huỳnh Thanh N 5.475.000 đồng chi phí đầu tư.

8. Buộc bà Hồ Thị Kim C (Hồ Thị C) phải trả cho ông Huỳnh Thanh N 1.825.000 đồng chi phí đầu tư.

9. Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi 142m² đất thuộc một phần của thửa đất số 521, tờ bản đồ số 3 và 2.858,8m² đất thuộc một phần của thửa đất số 188, tờ bản đồ số 16 đã cấp cho ông Đ và hộ ông Đ để cấp lại cho bà C.

10. Về nợ chung:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Buộc bà Hồ Thị Kim C(Hồ Thị Chi) và ông Huỳnh Hữu Đ mỗi người phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện C số tiền vốn và lãi vay tổng cộng là 126.957.416 đồng (lãi tạm tính đến ngày 08/9/2017), đồng thời tiếp tục trả lãi kể từ ngày 09/9/2017 theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký đối với số tiền vốn phải trả cho ngân hàng đến khi thi hành xong. Trường hợp bà C và ông Đ không trả được nợ thì chỉ xử lý tài sản thế chấp đối với phần tài sản mà ông Đ và bà C được nhận.

- Buộc ông Huỳnh Hữu Đ phải trả cho anh Nguyễn Trọng T3 116.829.000 đồng tiền mua vật tư nông nghiệp và 8.859.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng vốn và lãi là 125.688.000 đồng.

11. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành, theo lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

12. Về án phí sơ thẩm:

- Chị Hồ Thị Kim C phải chịu 35.354.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Trong đó án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 200.000 đồng; án phí chia tài sản là 21.912.500đ; án phí không chấp nhận yêu cầu chia các thửa đất do bà Đ đứng tên là 10.068.000đ và án phí đối với nghĩa vụ phải trả nợ là 3.174.000đ) nhưng được trừ vào tổng các tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.368.000đ theo các biên lai số 009626 ngày 18/5/2012, 003912 ngày 19/01/2010, 029001 ngày 04/5/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Bà C còn phải nộp tiếp 7.986.500 đồng.

- Ông Huỳnh Hữu Đ phải chịu 37.312.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Trong đó án phí chia tài sản chung là 21.912.500đ; án phí đối với nghĩa vụ phải trả nợ là 14.157.000đ và án phí không được chấp nhận yêu cầu chia vàng và tiền bà C giữ là 1.243.000đ) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.200.000đ theo biên lai thu số 028924 ngày 16/3/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Ông Đ còn phải nộp tiếp 30.112.500 đồng.

(Đã xem xét miễn giảm 50% án phí cho bà C, ông Đ).

- Anh Huỳnh Hữu T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh Huỳnh Hữu T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.111.000đ theo các biên lai thu số 009627 ngày 18/5/2012, 10689 ngày 21/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Anh Huỳnh Hữu T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh Huỳnh Hữu T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.111.000đ theo các biên lai thu số 009628 ngày 18/5/2012, 10690 ngày 21/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Ông Huỳnh Thanh N được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 7.750.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 10606 ngày 30/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt nam phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.890.000đ theo các biên lai thu số 003953 ngày 01/4/2010, 11757 ngày 07/11/2016. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.590.000 đồng.

- Anh Nguyễn Trọng T3 được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.207.000đ theo biên lai thu số 10540 ngày 10/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

13. Về chi phí thẩm định giá: tổng cộng là 22.293.000 đồng.

+ Bà C và ông Đ mỗi người phải chịu 10.088.500 đồng.

+ Anh T và anh T1 mỗi người phải chịu 1.058.000 đồng.

Do bà C đã nộp tạm ứng chi phí thẩm định là 21.093.000đ, ông Đ đã nộp tạm ứng chi phí thẩm định là 1.200.000đ và đã chi xong. Do đó, ông Đ phải trả lại cho bà C 8.888.500 đồng; anh T và anh T1 mỗi người phải trả cho bà C 1.058.000đ chi phí thẩm định.

14. Chi phí định giá tại cấp phúc thẩm: Ông Đ tự nguyện chịu số tiền là 2.000.000 đồng (đã tạm ứng và đã chi xong).

15. Về án phí phúc thẩm:

- Bà Hồ Thị Kim C không phải chịu án phí phúc thẩm, nên được nhận lại 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 12145 ngày 26/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Ông Huỳnh Hữu Đ không phải chịu án phí phúc thẩm, nên được nhận lại 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 12152 ngày 27/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Anh Huỳnh Hữu T không phải chịu án phí phúc thẩm, nên được nhận lại 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 12146 ngày 26/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Anh Huỳnh Hữu T1 không phải chịu án phí phúc thẩm, nên được nhận lại 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 12147 ngày 26/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

- Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GD & KT TAND Tỉnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà

- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đường sự
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy